

**THƯ MỤC CHUYÊN ĐỀ NÔNG NGHIỆP
(GIAI ĐOẠN XUẤT BẢN TỪ NĂM 2001-2010)**

1181	Tập san khoa học nông nghiệp. Số 4. - Hà nội : Nông nghiệp, 2001 - 168tr. ; 27 cm, Phân loại: 630.2 TAP 2001/3, Tài liệu tham khảo
1182	Kỹ thuật trồng mộc nhĩ / Nguyễn Lâm Hùng. - H. : Nông nghiệp, 2001 - 36 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635.8 NGH 2001, Tài liệu tham khảo
1183	Hỏi đáp về kỹ thuật nuôi trồng hoa và cây cảnh. T1 /Jiang Qing Hai. - H. : Nông nghiệp, 2001 - 116 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635.9 JIH 2001/1, Tài liệu tham khảo
1184	Trồng cỏ nuôi dê / Nguyễn Thiện. - H. : Nông nghiệp, 2001 - 72 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.2 NGT 2001, Tài liệu tham khảo
1185	Kỹ thuật trồng các giống lạc, đậu, đỗ, rau, cây ăn quả và cây ăn củ mới / Chủ biên:Trương Đích. - H. : Nông nghiệp, 2001 - 105 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635 TRĐ 2001, Tài liệu tham khảo
1186	Bón phân cân đối và hợp lý cho cây trồng / Biên soạn :Nguyễn Văn Bộ. - H. : Nông nghiệp, 2001 - 74 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.8 BON 2001, Tài liệu tham khảo
1187	Kỹ thuật trồng trọt và phòng trừ sâu bệnh cho một số cây ăn quả vùng núi phía Bắc / Chủ biên :Hà Minh Trung. - H. : Nông nghiệp, 2001 - 80 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.048 KYT 2001, Từ điển
1188	Kỹ thuật trồng mía ở vùng đồi núi / Trần Văn Sỏi. - H. : Nông nghiệp, 2001 - 244 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.61 TRS 2001, Tài liệu tham khảo
1189	Vườn rau dinh dưỡng gia đình / Nguyễn Văn Hoan. - H. : Nông nghiệp, 2001 - 88 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635 NGH 2001, Tài liệu tham khảo
1190	Bệnh héo rũ hại cây trồng cạn và biện pháp phòng chống / Đỗ Tấn Dũng. - H. : Nông nghiệp, 2001 - 78 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632.3 ĐOD 2001, Tài liệu tham khảo
1191	Sâu bệnh và cỏ dại hại Mía / Cục khuyến nông và khuyến Lâm. - H. : Nông nghiệp, 2001 - 47 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632.3 SAU 2001, Tài liệu tham khảo
1192	Sâu bệnh chính hại cây khoai lang và cách phòng trừ : Sách được xuất bản theo sự thoả thuận của CIP / Chủ biên : Brau A.R, B. Hardy. - H. : Nông nghiệp, 2001 - 80 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635.229 7 BRA 2001, Tài liệu tham khảo
1193	Giới thiệu giống mía năng suất, chất lượng cao . - H. : Nông nghiệp, 2001 - 40 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.61 GIO 2001, Từ điển
1194	Danh mục sách bảo vệ thực vật được phép, hạn chế, và cấm sử dụng ở Việt Nam = List of pesticides pemitted,restricted and banned to use in Việt Nam / Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn. - H. : Nông nghiệp, 2001 - 80 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632.95 DAN 2001, Từ điển

1195	Trồng cây nông nghiệp dược liệu và đặc sản dưới tán rừng / Nguyễn Ngọc Bình: biên soạn. - H. : Nông nghiệp, 2001 - 103 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 630 TRO 2001, Tài liệu tham khảo
1196	Kỹ thuật trồng cà phê mật độ dày cho năng suất cao / Đỗ Trọng Hùng. - H. : Nông nghiệp, 2001 - 100 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.73 ĐOH 2001, Tài liệu tham khảo
1197	Kỹ thuật vườn ươm cây rừng ở hộ gia đình / Biên soạn: Nguyễn Xuân Khoát. - H. : Nông nghiệp, 2001 - 119 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.9 KYT 2001, Tài liệu tham khảo
1198	Sản xuất hạt giống nguyên chủng và F1 của lúa lai 3 dòng và 2 dòng / Trần Ngọc Trang. - Hà nội. : Nông nghiệp, 2001 - 184 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.182 1 TRT 2001, Tài liệu tham khảo
1199	Phòng trừ sâu bệnh hại cây cảnh / Trần Văn Mão, Nguyễn Thế Nhã. - H. : Nông nghiệp, 2001 - 19 cm, Phân loại: 632 TRM 2001, Tài liệu tham khảo
1200	Kỹ thuật ghép cây ăn quả : sách hướng dẫn nông dân học và làm . - Hà nội. : Nông nghiệp, 2001 - 56 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.045 41 KYT 2001, Tài liệu tham khảo
1201	Sản xuất, chế biến và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật thảo mộc và sinh học = Production, preparation and use of botanical and biological pesticides:Dự án VNM9510-017 CHLB Đức / Chủ biên: Nguyễn Văn Tuất. - Hà nội. : Nông nghiệp, 2001 - 47 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632.95 NGT 2001, Tài liệu tham khảo
1202	Kỹ thuật trồng lạc năng suất và hiệu quả / Phạm Văn Thiều. - Hà nội. : Nông nghiệp, 2001 - 80 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.368 PHT 2001, Tài liệu tham khảo
1203	Cây hồng kỹ thuật trồng và chăm sóc / Phạm Văn Côn. - H. : Nông nghiệp, 2001 - 72 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.455 PHC 2001, Tài liệu tham khảo
1204	Một số vấn đề về công tác khuyến ngư / Đỗ Đoàn Hiệp, Phạm Trang, Nguyễn Thành. - H. : Nông nghiệp, 2001 - 64 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 630.715 ĐOH 2001, Tài liệu tham khảo
1205	Cây điều kỹ thuật trồng và triển vọng phát triển / Đường Hồng Dật. - H. : Nông nghiệp, 2001 - 94 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.573 ĐUD 2001, Tài liệu tham khảo
1206	Giống lúa lai Trung Quốc và kỹ thuật gieo trồng / Trần Ngọc Trang. - Hà nội. : Nông nghiệp, 2001 - 99 Tr. ; 19cm, Phân loại: 633.18 TRT 2001, Tài liệu tham khảo
1207	Carbohydrates in grain legume seeds : improving nutritional quality and agronomic characteristics / Edited by: C.L.Hedley. - Wallingford, Oxon, UK ; New York : CABI Pub., 2001 - xvi, 322 p. : 24 cm, Phân loại: 633.3 CAR 2001, Tài liệu tham khảo
1208	Bệnh cây nông nghiệp = Giáo trình dùng cho các trường ĐH Nông nghiệp ./ Vũ Triệu Mân, Lê Lương Tề. - H.: Nông nghiệp, 2001 - 296 Tr.; 26cm, Phân loại: 632.3 M6999, Giáo trình

1209	Các hợp chất hoá học có trong chè và một số phương pháp phân tích thông dụng trong sản xuất chè ở Việt nam= Giáo trình dùng cho các trường ĐH Nông nghiệp / Vũ Thị Thu.... - H.: Nông nghiệp, 2001 - 209 Tr.; 19cm, Phân loại: 633.72 T42, Giáo trình
1210	Giáo trình cây lương thực. Giáo trình dùng cho các trường ĐH Nông nghiệp. / T1:Nguyễn Đình Giao.. - H. : Nông nghiệp, 2001. - 107 Tr. ; 27cm., Phân loại: 633.11 G3489, Giáo trình
1211	Insect pests of tropical forestry / Martin R. Speight, F. Ross Wylie.. - New York : CABI Pub., 2001. - ix, 307 p. : 25 cm., Phân loại: 634.967 SPE 2001, Tài liệu tham khảo
1212	Nông thôn miền núi= Những nghiên cứu hướng tới phát triển lâu bền ./ Trần Đức Viên. - Hà nội: Nông nghiệp, 2001 - 207 Tr.; 30cm, Phân loại: 630.7 NON 2001, Tài liệu tham khảo
1213	Kinh nghiệm quản lý đất bỏ hoá sau nương rẫy ở Việt nam ./ Trần Đức Viên. - Hà nội: Nông nghiệp , 2001 - 75 Tr.; 30cm, Phân loại: 631.581 2 KIN 2001, Tài liệu tham khảo
1214	Căn bản nuôi trồng nấm mỡ tại cao nguyên Việt Nam . - Lâm đồng: Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật bản, 2001 - 99 Tr.; 19 cm, Phân loại: 635.8 CAN 2001, Tài liệu tham khảo
1215	Tuổi trẻ lập nghiệp từ trang trại./ Nguyễn Như Át. - H.: Thanh niên, 2001. - 203 Tr. 19 cm., Phân loại: 630.715 TUO 2001, Tài liệu tham khảo
1216	Tuyển tập tiêu chuẩn nông nghiệp Việt nam. Tập 2,Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn. - H.: Trung tâm thông tin nông nghiệp và phát triển nông thôn, 2001 - 507 Tr.; 30 cm, Phân loại: 632.895 TUY 2001, Tài liệu tham khảo
1217	Tuyển tập tiêu chuẩn nông nghiệp Việt nam. Tập IV,Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn. - H.: Trung tâm thông tin nông nghiệp và phát triển nông thôn, 2001 - 118 Tr.; 30 cm, Phân loại: 630.2 TUY 2001/4, Tài liệu tham khảo
1218	Kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ cây ăn quả (2000-2001) ./ Viện nghiên cứu cây ăn quả Miền Nam. - HCM: Nông nghiệp. 2001 - 392 tr. 27 cm, Phân loại: 634 KET 2001, Tài liệu tham khảo
1219	Issues in the management of agricultural resources= Proceedings of a seminar in commemoration of FFTC's 30th anniversary National Taiwan University, Taipei, Taiwan ROC September 6-8, 2000 . - Taiwan: Food and Fertilizer technology center, 2001 - 259 p.; 30 cm, Phân loại: 630.7 ISS 2001, Tài liệu tham khảo
1220	Ornamental horticulture= A little giant in the tropics / Tito.J.Rimando. - Philippines: SEAMEO SEARCA 2001 - 320 p.; 27 cm, Phân loại: 635.977 13 RIM 2001, Tài liệu tham khảo

1221	Tuyển tập tiêu chuẩn nông nghiệp Việt Nam= Proceedings of VietNam agricultural standards, Tập 3.. - H. : Hà Nội, 2001. - 219 Tr., 27 cm., Phân loại: 631.8 TUY 2001, Tài liệu tham khảo
1222	Thành lập hội sinh học phân tử bệnh lý thực vật Việt Nam tại trường ĐHNHI-HN 28/09/2001 = Opening ceremony of molecular plant pathology society HaNoi Agriculture University N01 (HAU) 28/09/2001 . - H. : [s.n]., 2001 - 33Tr. ; 30 cm, Phân loại: 632 THA 2001, Từ điển
1223	Unit operations of agricultural processing / K.M.Sahay, K.K.Singh. - New Delhi : Vikas publishing house PVT LTD, 2001 - 372p. ; 24cm, Phân loại: 631.56 SAH 1994, Tài liệu tham khảo
1224	A textbook of modern plant pathology / K.S.Bilgrami, H.C.Dube. - New delhi : Konark Publishers PVT LTD, 2001 - 344p. ; 22cm, Phân loại: 632.307 11 BIL 2001, Tài liệu tham khảo
1225	Annual of the Srilanka department of agriculture / Edited by G.A.W. Wijesekara. - Gannouruwa : The department of agriculture press , 2001- , Phân loại: 630.5 ASD 2001, Tài liệu tham khảo
1226	Ôtô - Máy kéo / Bùi Hải Triều.. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2001. - 520 Tr. , ; 27cm., Phân loại: 631.372 BUT 2001, Giáo trình
1227	Sổ tay người trồng rau / Nguyễn Văn Thắng,Trần khắc Thi. - Hà nội : Nông nghiệp, 2001 - 199 Tr.; 19 cm, Phân loại: 635 NGT 2001, Tài liệu tham khảo
1228	Bảo quản - chế biến và những giải pháp phát triển ổn định cây vải, nhãn / Nguyễn Mạnh Dũng. - H. : Nông nghiệp, 2001 - 132 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.456 NGD 2001, Tài liệu tham khảo
1229	Hỏi đáp về phân bón: Phân vô cơ, phân vi lượng, phân phức hợp hữu cơ vi sinh / Lê Văn Tri. - H. : Nông nghiệp, 2001 - 142 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.8 LET 2001, Tài liệu tham khảo
1230	Hướng dẫn kỹ thuật trồng bon sai / Ngọc Lan. - H. : Mũi Cà Mau, 2001 - 107 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635.977 2 NGL 2001, Tài liệu tham khảo
1231	Cây tiêu kỹ thuật trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh / Lê Đức Niệm. - H. : Lao động xã hội, 2001 - 66 Tr. ; , Phân loại: 633.84 LEN 2001, Tài liệu tham khảo
1232	Atlas vùng Bắc Hưng Hải (Việt nam) : Quản lý tưới tiêu và đa dạng hoá nông nghiệp trong hệ thống thủy nông cấp I Bắc Hưng Hải, Châu thổ sông Hồng- Việt nam / Jean-Philippe Fontenelle. - H. : Nông nghiệp, 2001 - 58 p. ; 30 cm, Phân loại: 631.587 ATL 2001, Tài liệu tham khảo

1233	Corn production in Asia : Chinam Indonesia, Thailand, Philippines, Taiwan, North Korea, South Korea, and Japan / Edited by Kyung-joo Park. - Wenchow : Food & Fertilizer technology center, 2001 - 209 p. ; 24 cm, Phân loại: 633.15 COR 2001, Tài liệu tham khảo
1234	Management of acid soils in the humid tropic of ASIA ./ E. T. Craswell., E. Pushparajah. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 2001 - 118 p. : 24 cm., Phân loại: 631.42 MAN 1989, Tài liệu tham khảo
1235	The distribution and importance of arthropod pests and weeds of agriculture in Myanmar / Heather Morris [and] D. F. Waterhouse.. - Canberra ACT : Australian Centre for International Agricultural Research, 2001. - 74 p. ; 30 cm., Phân loại: 632.609 591 MOR 2001, Tài liệu tham khảo
1236	Biological control of water hyacinth 2 : the moths <i>Niphograpta albiguttalis</i> and <i>Xubida infusellus</i> : biologies, host ranges, and rearing, releasing and monitoring techniques for biological control of <i>Eichhornia crassipes</i> / M.H. Julien, M.W. Griffiths, and J.N. Stanley.. - Canberra : The Australian Centre for International Agricultural Research, 2001. - 90 p. : 26 cm., Phân loại: 633.2 BIO 2001, Tài liệu tham khảo
1237	A visual guide to nutritional disorders of tropical timber species : <i>Swietenia macrophylla</i> and <i>Cedrela odorata</i> / M.J. Webb, P. Reddell and N.J. Grundon.. - Canberra ACT : Australian Centre for International Agricultural Research, 2001. - iv, 178 p. : 21 cm., Phân loại: 634.963 WEB 2001, Tài liệu tham khảo
1238	Hypsipyla shoot borers in Meliaceae : proceedings of an international workshop held at Kandy, Sri Lanka 20-23 August 1996 / editors: R.B. Floyd and C. Hauxwell.. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 2001. - vi, 189 p. : 24 cm., Phân loại: 634.967 648 HYP 2001, Tài liệu tham khảo
1239	Increased lowland rice production in the Mekong region : proceedings of an international workshop held in Vientiane, Laos / edited by Shu Fukai and Jaya Basnayake.. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 2001. - vi, 327 p. : 24 cm., Phân loại: 633.180 959 7 INC 2001, Tài liệu tham khảo
1240	Biological and integrated control of water hyacinth, <i>Eichhornia crassipes</i> : proceedings of the Second Meeting of the Global Working Group for the Biological and Integrated Control of Water Hyacinth, Beijing, China, 9-12 October 2000 / editors: M.H. Julien ... [et al.].. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 2001. - 152 p. : 24 cm., Phân loại: 633.22 BIO 2001, Tài liệu tham khảo

1241	Postharvest handling of fresh vegetables : proceedings of a workshop held in Beijing, People's Republic of China, 9-11 May 2001 / editors: Tim O'Hare ... [et al.]. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 2001. - 126 p. : 24 cm., Phân loại: 635.046 POS 2001, Tài liệu tham khảo
1242	Water policy reform, lessons from Asia and Australia : proceedings of an international workshop held in Bangkok, Thailand 8-9 June 2001 / editor: Donna Brennan.. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 2001. - 322 p. : 24 cm., Phân loại: 631.62 WAT 2001, Tài liệu tham khảo
1243	A Guide to highland mushroom cultivation in Viet nam : Financial Cooperation Division Agricultural, Forestry and Fisheries Development Study Department Japan International Cooperation Agency . - Lâm đồng : Dalat Plateau , 2001 - 123P. ; 19 cm, Phân loại: 635.8 GUI 2001, Tài liệu tham khảo
1244	101 câu hỏi thường gặp trong sản xuất nông nghiệp. Tập 9,Trần Văn Hoà. - H. : Trẻ, 2001 - 123 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.84 TRH 2001, Tài liệu tham khảo
1245	Tài liệu tập huấn kỹ thuật cho khuyến nông viên xã miền núi / Cục phát triển lâm nghiệp. - H. : Nông nghiệp, 2001 - 237 Tr. ; 31 cm, Phân loại: 630.7 TAI 2001, Tài liệu tham khảo
1246	Growing shrubs and small trees in cold climates ./ Nancy Rose, Don Selinger, and John Whitman.. - Lincolnwood (Chicago), Ill. : Contemporary Books, 2001. - xvi, 431 p. : 28 cm., Phân loại: 635.976 ROS 2001, Tài liệu tham khảo
1247	Kết quả nghiên cứu khoa học nông nghiệp năm 2000 / Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam. - Hà Nội : Nông nghiệp, 2001 - 272 Tr. ; 27 cm., Phân loại: 630.7 KET 2001, Tài liệu tham khảo
1248	Kết quả nghiên cứu về trồng rừng và phục hồi rừng tự nhiên / Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam. - Hà Nội : Nông nghiệp, 2001 - 111 Tr. ; 27 cm., Phân loại: 634.9 KET 2001, Tài liệu tham khảo
1249	Nhân giống vô tính và trồng rừng dòng vô tính= Vegetative propagation and clonal forestry / Nguyễn Hoàng Nghĩa. - H. : Nông nghiệp, 2001 - 120 Tr. ; 27 cm., Phân loại: 634.956 5 NGN 2001, Tài liệu tham khảo
1250	Văn bản tiêu chuẩn kỹ thuật lâm sinh. Tập 2,Vụ Khoa học Công nghệ và chất lượng sản phẩm.. - H. : Nông nghiệp, 2001. - 345 Tr. ; 30 cm., Phân loại: 634.920 72 VAN 2001/2, Từ điển
1251	Turfgrass soil fertility and chemical problems : Assessment and management / R.N. Carrow, D.V. Waddington, P.E. Rieke.. - Chelsea, Mich. : Ann Arbor Press, John Wiley & Son Inc. 2001. - ix, 400 p., [8] p. of plates : 28 cm., Phân loại: 635.9 CAR 2001, Tài liệu tham khảo

1252	The biotechnology revolution in global agriculture : Innovation, invention, and investment in the canola industry / edited by Peter W.B. Phillips and George Khachatourians.. - Wallingford, Oxon, UK ; New York : CABI Pub., 2001. - xi, 360 p. : 24 cm., Phân loại: 633.8 BIO 2001, Tài liệu tham khảo
1253	Rice Genetics IV / edited by:G. S. Khush, D. S. Brar, B. Hardy. - Philippine : Science Publisher Inc., IRRI, 2001. - xxii, 488 p. : 23 cm., Phân loại: 633.18 RIC 2001, Tài liệu tham khảo
1254	Program Report for 2000 / International Rice Research Institute. - Manila : nternational Rice Research Institute, 2001 - 188 p. ; 25 cm., Phân loại: 633.1 PRO 2001, Tài liệu tham khảo
1255	Rice research and production in the 21st century / Edited by W.G.Rockwood. - Manila : IRRI, 2001 - xi, 244 p. : 25 cm, Phân loại: 633.173 RIC 2001, Tài liệu tham khảo
1256	Codex alimentarius : Fats, Oils and related products, Volume 8./Joint FAO/WHO Food Standards Programme, Codex Alimentarius Commission.. - Rome : Food and Agriculture Organization of the United Nations, World Health Organization, 2001. - 81 p., 9 p. ; 30 cm., Phân loại: 631.583 COD 2001, Tài liệu tham khảo
1257	Global forest resources Assessment 2000 : Main report./ FAO forestry paper .. - Rome : Food and Agriculture Organization of the United Nations, 2001. - 481 p., 9 p. ; 30 cm., Phân loại: 634.9 GLO 2001, Tài liệu tham khảo
1258	International Rice Research notes / International Rice Research Institute. - Manila : IRRI, 2001 - 86 p., 30 cm, Phân loại: 633.18 INT 2001, Tài liệu tham khảo
1259	Oryza2000: Modeling lowland rice / B.A.M.Bouman, M.J.Kropff, T.P.Tuong.... - Philippines: International rice research institute, 2001 - xx,235 p. ; 19 cm., Phân loại: 630.2 ORY 2001, Tài liệu tham khảo
1260	From farmer to planner back harvesting best practices . - Rome : FAO, 2001 - 169 tr. ; 24 cm, Phân loại: 630.2 FRO 2001, Tài liệu tham khảo
1261	Woody plants anh Woody plant Management: Ecology, Safety, and Environmental impact. / Rodney W.Bovey. - New York; Marcel Dekker, Inc, 2001 - 564 p.; 24 cm, Phân loại: 634.92 BOV 2001, Tài liệu tham khảo
1262	Crop responses and adaptations to temperature stress./ Amarjit S. Basra. - New york.: Haworth Press. 2001 - 302p.: 20cm, Phân loại: 631.52 BAS 2001, Tài liệu tham khảo
1263	Seed storage of horticultural crops./ S .D . Doijode. - New York.: Haworth Press, 2001 - 339tr.: 20cm, Phân loại: 635.042 DOS 2001, Tài liệu tham khảo
1264	Microbial Pest Control / Sushil K. Khetan.. - New York : M. Dekker, 2001. - xiv, 300 p. : 24 cm., Phân loại: 632.96 KHE 2001, Tài liệu tham khảo

1265	Soil and environmental analysis : Physical methods / Edited by Keith A. Smith, Chris E. Mullins.. - New York : M. Dekker, 2001. - viii, 637 p. : 24 cm., Phân loại: 631.43 SOI 2001, Tài liệu tham khảo
1266	Hydroponic Food Production : A definitive guidebook of soilless food-growing methods / By Howard M. Resh.. - Santa Barbara, CA : Woodbridge Press Pub., 2001. - 567 p. 26 cm. Hình ảnh. , Phân loại: 635.048 RES 2001, Từ điển
1267	Plant Pathogen Detection and Disease Diagnosis./ P.Narayanasamy. - New York.: Marcel Dekker, 2001 - 518p.; 20cm, Phân loại: 632.3 NAR 2001, Tài liệu tham khảo
1268	Ornamental Horticulture : Science, Operations and Management / Jack E. Ingels.. - Albany, NY : Delmar Thomson Learning, 2001. - xxv, 518 p. : 25 cm., Phân loại: 635.9 ING 2001, Tài liệu tham khảo
1269	The science and practice of crop production./ Ricardo M. Lantican. - Philippines.: Seameo Searca, 2001 - 330p.; 27cm, Phân loại: 631.3 LAN 2001, Tài liệu tham khảo
1270	The development of postharvest activities and agroindustry as a strategy to improve rural livelihoods in Vietnam: An analysis of the IFPRI/MARD fruit and vegetable producer survey . - Washington : Nxb [], 2001 - 88 Tr. ; 29cm., Phân loại: 635.597 DEV 2001, Tài liệu tham khảo
1271	Participatory environment education and training for sustainable agriculture / Tim L. Wentling; Ronny Adhikarya; Chye- Hean Teoh, Editors. - Rome: FAO, 2001 - 232 Tr. ; 29 cm, Phân loại: 630 PAR 2001, Tài liệu tham khảo
1272	Studies on the use of natural hybrids between Acacia Mangium and Acacia Auriculiformis in Vietnam / Le Dinh Kha, Prof. - H.: Agriculture publishing house, 2001 - 171 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 634.972 LEK 2001, Từ điển
1273	Agricultural trade policy and food security in the Caribbean Structural issues, multilateral negotiations and competitiveness / J.R.Deep Ford, Crescenzo dell'Aquila Edited by. - Rome Food and Agriculture Organization of the United Nations, 2001 - 343 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 630 AGR 2007, Tài liệu tham khảo
1274	From Farmer to Planner & Back Harvesting Best Practices Vol 1. - USA Food and Agricultural, 2001 - 169 Tr. ; 24 cm, Phân loại: 631.5 FRO 2001/1, Tài liệu tham khảo
1275	From Farmer to Planner & Back Harvesting Best Practices Vol 2. - USA Food and Agricultural, 2001 - 128 Tr. ; 24 cm, Phân loại: 631.5 FRO 2001/2, Tài liệu tham khảo
1276	Farming Systems and Poverty Improving Farmers' Livelihoods in a Changing World / John Dixon. - Rome FAO and Worrrld Bank , 2001 - 412 Tr. ; 24 cm, Phân loại: 630 DIX 2001, Tài liệu tham khảo

1277	Nấm ăn cơ sở khoa học và công nghệ nuôi trồng = Edible mushroom scientific base and cultivation technique: Sách chuyên khảo / Nguyễn Hữu Đồng. PGS. TS; Đinh Xuân Linh. KS; Nguyễn Thị Sơn. KS, Zani federico. TS. - H. : Nông nghiệp , 2001 - 159 Tr.; 19 cm, Phân loại: 635.8 NAM 2001, Tài liệu tham khảo
1278	Cuộc cách mạng xanh trên sa mạc (Sách tham khảo) / Kim Yong Bok. - H. : Chính trị Quốc gia, 2001 - 239 Tr. ; 20 cm, Phân loại: 630.2 KIB 2001, Tài liệu tham khảo
1279	The forests of vu quang nature reserve: a description of habitats and plant communities / Andrei Kuznetsov, Anne Marie Guigue. - H. : the world wide fund for nature, 2001 - 102 p. ; 25 cm., Phân loại: 634.9 KUZ 2001, Tài liệu tham khảo
1280	Fuelwood harvesting and use in Cam Xuyen district, Ha Tinh province / Pamela McElwwe. - H. : Forest science institute of Vietnam, 2001 - ix, 145 p. ; 25 cm., Phân loại: 634.98 MCE 2001, Tài liệu tham khảo
1281	Hoạt động thu gom và sử dụng củ ở Cẩm Xuyên tỉnh Hà Tĩnh Việt Nam / Pamela McElwwe. - H. : Forest science institute of Vietnam, 2001 - ix, 145 Tr. ; 25 cm., Phân loại: 634.98 MCE 2001, Tài liệu tham khảo
1282	Kỹ thuật trồng cây đặc sản hiệu quả kinh tế cao cây chè, cây ngân hạnh, cây tre lấy măng . - H. : Lao động xã hội, [19...] - 63 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.72 KYT 2002, Tài liệu tham khảo
1283	Tập san khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp / Đại học Nông lâm TP Hồ Chí Minh.. - Tp.HCM : Nông nghiệp, 2002 - 132 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 630.7 TAP 2002, Tài liệu tham khảo
1284	Hội thảo Bệnh cây và Sinh học phân tử = The 1ST National Conference on plant pathology and Molecular Biology UAF, 21-6-2002 (Lần thứ 1)./ Hội sinh học phân tử bệnh lý thực vật Việt Nam (VMPPS). - TP.HCM: Đại học Nông Lâm TP.Hồ Chí Minh, 2002 - 134 tr., 27 cm, hình ảnh minh hoạ, Phân loại: 632.3 HOI 2002, Tài liệu tham khảo
1285	Một số nghiên cứu về bệnh khảm lá cà chua (Tomato mosaic virus) vụ xuân hè 2002 ở vùng Gia lâm Hà nội và phụ cận = Luận văn thạc sỹ khoa học nông nghiệp./ Nguyễn Thị Ngọc Lan.. - H.: Trường ĐHNHI, 2002 - 77 tr., 27cm., Phân loại: 632.1 L22, Tài liệu tham khảo
1286	Ngô lai và kỹ thuật thâm canh./ Nguyễn Thế Hùng. - H.: Nông nghiệp, 2002. - 119 Tr., 19 cm., Phân loại: 633.15 NGH 2002, Tài liệu tham khảo
1287	Nhện hại cây trồng và biện pháp phòng chống./ Nguyễn Văn Đĩnh. - H.: Nông nghiệp, 2002. - 53 tr., 19cm., Phân loại: 632.74 NGĐ 2002, Tài liệu tham khảo
1288	Bệnh héo rũ hại cây trồng cạn và biện pháp phòng chống / Đỗ Tấn Dũng. - H. : Nông nghiệp, 2002. - 77 tr., 19cm., Phân loại: 632.3 ĐOD 2002, Tài liệu tham khảo

1289	Đánh giá kinh tế xã hội của quản lý dịch hại trong sản xuất lúa ở Việt Nam= Pets management in rice production in Vietnam A Socio-economic Assessment ./ Đỗ Kim Chung. - H. : Nông nghiệp, 2002. - 236 tr., 19 cm., Phân loại: 632 ĐOC 2002, Tài liệu tham khảo
1290	Bảo tồn đa dạng sinh học nông nghiệp trên đồng ruộng tại Việt nam./ Nguyễn Ngọc Huệ. - H.: Nông nghiệp, 2002. - 183 tr., 27 cm., Phân loại: 631.523 3 BAO 2002, Tài liệu tham khảo
1291	Kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật nông nghiệp./ Trung tâm nghiên cứu liên ngành Phát triển Nông thôn UAH-CIUF/CUD. - H.: Nông nghiệp, 2002. - 131 tr., 27 cm., Phân loại: 630.7 KET 2002, Tài liệu tham khảo
1292	Trồng trọt đại cương= : Giáo trình dùng cho các trường ĐH Nông nghiệp . / Hà Thị Thanh Bình, Nguyễn Tất Cảnh.. - H. : Nông nghiệp, 2002. - 145 tr. : 27 cm., Phân loại: 631.5 TRO 2002, Giáo trình
1293	Biological control of crop pests= Proceeding from a Vietnamese-Norwegian workshop, 25-26 September 2001, As, Norway/ Trond Hofsvang. - Norway: The Norwegian crop research institute, 2002 - 116 p.; 24 cm, Phân loại: 632.9 BIO 2002, Tài liệu tham khảo
1294	Cây hoa cúc và kỹ thuật trồng. / Nguyễn Quang Thạch. - H.: Nông nghiệp, 2002 - 91 tr., 19 cm., Phân loại: 635.9 NGT 2002, Tài liệu tham khảo
1295	Kỹ thuật trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh cho cây cam quýt, nhãn, hồng / Viện Bảo vệ thực vật. - H. : Nông nghiệp, 2002 - 63 Tr. ; 19 cm., Phân loại: 634.385 KYT 2002, Tài liệu tham khảo
1296	Hỏi đáp về nhãn vải. / Trần Thế Tục. - H.: Nông nghiệp, 2002 - 159 tr., 19 cm., Phân loại: 634.2 TRT 2002, Tài liệu tham khảo
1297	Vườn rau dinh dưỡng gia đình./ Nguyễn Văn Hoan. - H.: Nông nghiệp, 2002 - 88 tr., 19 cm., Phân loại: 635 NGH 2002, Tài liệu tham khảo
1298	Cây phủ đất ở Việt nam./ Nguyễn Tử Siêm.. - H.: Nông nghiệp, 2002. - 134 tr., 19 cm., Phân loại: 634.956 NGS 2002, Tài liệu tham khảo
1299	Cơ sở di truyền và công nghệ sản xuất lúa lai./ Trần Duy Quý. - H.: Nông nghiệp, 2002 - 141 tr., 19 cm., Phân loại: 633.182 33 TRQ 2002, Tài liệu tham khảo
1300	Công nghệ nuôi trồng nấm. Tập 1 ./Nguyễn Lâm Dũng. - H. : Nông nghiệp, 2002. - 199 Tr., 19 cm., Phân loại: 635.8 NGD 2002, Tài liệu tham khảo
1301	Công nghệ nuôi trồng nấm ./ Nguyễn Lâm Dũng. - H.: Nông nghiệp, 2002. - 244 Tr., 19 cm., Phân loại: 635.8 NGD 2002, Tài liệu tham khảo
1302	Sản xuất hạt giống nguyên chủng và F1 của lúa lai "3 dòng" và "2 dòng"./ Trần Ngọc Trang. - H. : Nông nghiệp, 2002. - 184 Tr., 19 cm., Phân loại: 633.182 1 TRT 2002, Tài liệu tham khảo

1303	Lúa lai hai dòng ./ Hoàng Tuyết Minh. - H. : Nông nghiệp, 2002. - 192 Tr, 19 cm., Phân loại: 633.185 3 HOM 2002, Tài liệu tham khảo
1304	Trồng cây nông nghiệp ,dược liệu và đặc sản dưới tán rừng ./ Nguyễn Ngọc Bình,. - H. : Nông nghiệp, 2002. - 103 Tr., 19 cm., Phân loại: 633.88 TRO 2002, Tài liệu tham khảo
1305	Hướng dẫn các biện pháp phòng trừ chuột hại ngoài đồng ruộng trên đê điều và trong khu dân cư / Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội. - H. : Nông nghiệp, 2002. - 32 Tr. ; 19 cm., Phân loại: 632.693 52 HUO 2002, Tài liệu tham khảo
1306	Sử dụng bền vững đất miền núi và vùng cao ở Việt Nam / Thái Phiên. - H. : Nông nghiệp, 2002. - 152 Tr., 27 cm., Phân loại: 631.47 THP 2002, Tài liệu tham khảo
1307	Nghệ thuật chậu cảnh= Bonsai - Non bộ / Ngô Quang Đê. - H. : Nông nghiệp, 2002. - 135 Tr., 27 cm., Phân loại: 635.977 2 NGĐ 2002, Tài liệu tham khảo
1308	Hỏi đáp về kỹ thuật nuôi trồng hoa và cây cảnh . Tập 1.Trần Văn Mão. - H. : Nông nghiệp, 2002. - 116 Tr. ; 19 cm., Phân loại: 635.9 JIH 2002/1, Tài liệu tham khảo
1309	Hỏi đáp về kỹ thuật nuôi trồng hoa và cây cảnh. Tập 2,Trần Văn Mão. - H. : Nông nghiệp, 2002. - 144 Tr. ; 19 cm., Phân loại: 635.9 JIH 2002/2, Tài liệu tham khảo
1310	Hỏi đáp về kỹ thuật nuôi trồng hoa và cây cảnh . Tập 3,Trần Văn Mão. - H. : Nông nghiệp, 2002. - 84 Tr. ; 19 cm., Phân loại: 635.9 JIH 2002/3, Tài liệu tham khảo
1311	Phòng trừ sâu bệnh hại cây cảnh / Trần Văn Mão. - H. : Nông nghiệp, 2002. - 152 Tr. ; 19 cm., Phân loại: 635.997 TRM 2002, Tài liệu tham khảo
1312	Động lực học máy thu hoạch : Dùng cho cao học ngành cơ khí nông nghiệp / Đào Quang Triệu. - H. : Nông nghiệp, 2002. - 181 Tr. ; 27 cm., Phân loại: 631.307 11 ĐAT 2002, Giáo trình
1313	Biện pháp giải quyết thức ăn cho gia súc nhai lại / Phùng Quốc Quảng. - Hà Nội : Nông nghiệp, 2002 - 88 Tr.; 19 cm, Phân loại: 633.2 PHQ 2002, Tài liệu tham khảo
1314	Kỹ thuật trồng dưa / Trần thế Tục. Vũ Mạnh Hải. - H.: Nông nghiệp, 2002 - 158 Tr.; 19 cm, Phân loại: 634.774 TRT 2002, Tài liệu tham khảo
1315	Kỹ thuật trồng, chăm sóc và phòng bệnh cho cây vải / Chủ biên: Lê Văn Thuyết. - H.: Nông nghiệp, 2002 - 43 Tr.; 19 cm, Phân loại: 634.2 KYT 2002, Tài liệu tham khảo
1316	Nấm ăn cơ sở khoa học và công nghệ nuôi trồng = Edible mushroom scientific base and cultivation technique:Sách chuyên khảo / Nguyễn Hữu Đống. - H.: Nông nghiệp, 2002 - 159 Tr.; 19 cm, Phân loại: 635.8 NAM 2002, Tài liệu tham khảo
1317	Kỹ thuật trồng các giống lạc,đậu,đỗ,rau,quả và cây ăn củ mới / Chủ biên:Trương Đích. - Hà nội : Nông nghiệp, 2002 - 105 tr.; 19 cm, Phân loại: 635 TRĐ 2002, Tài liệu tham khảo

1318	Sâu bệnh chính hại một số cây thực phẩm và biện pháp quản lý / Phạm Thị Nhật. - H : Nông nghiệp, 2002 - 102 Tr.; 19 cm; 10.500đ, Phân loại: 632.7 PHN 2001, Tài liệu tham khảo
1319	Trao đổi với nông dân cách làm ăn / Nguyễn Lâm Hùng. - Hà nội : Nông nghiệp, 2002 - 240 tr.; 19 cm, Phân loại: 630.715 NGH 2002, Tài liệu tham khảo
1320	Kỹ thuật trồng một số cây ăn quả & cây đặc sản ở vùng núi cao / Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Hà nội : Nông nghiệp, 2002 - 72 tr.; 19 cm, Phân loại: 634.048 KYT 2002, Tài liệu tham khảo
1321	Kỹ thuật trồng vải / Trần Thế Tục. - Hà nội : Nông nghiệp, 2002 - 35 tr.; 19 cm, Phân loại: 634.2 TRT 2002, Tài liệu tham khảo
1322	Hỏi đáp kỹ thuật trồng dâu nuôi tằm / Tổng công ty dâu tằm tơ Việt nam. - Hà Nội : Nông nghiệp, 2002 - 73 Tr.; 19 cm, Phân loại: 634.385 HOI 2002, Tài liệu tham khảo
1323	Kỹ thuật ghép cây ăn quả : sách hướng dẫn nông dân học và làm / Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Hà nội : Nông nghiệp, 2002 - 56 Tr.; 19 cm, Phân loại: 634.045.41 KYT 2002, Tài liệu tham khảo
1324	Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép, hạn chế và cấm sử dụng ở Việt nam / Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Hà Nội : Nông nghiệp , 2002 - 100 Tr.; 19 cm, Phân loại: 632.95 DAN 2002, Tài liệu tham khảo
1325	Kỹ thuật trồng rau sạch (Rau an toàn) : Cà chua, cà tím, ớt ngọt, đậu bắp, xu hào, cải củ, súp lơ, đậu vàng-đậu cô ve, đậu Hà Lan...rau gia vị / Trần Khắc Thi, Trần Ngọc Hùng. - H. : Nông nghiệp, 2002 - 87 Tr.; 19 cm, Phân loại: 635.048 TRT 2002, Tài liệu tham khảo
1326	Kỹ thuật trồng rau sạch (Rau an toàn) : Cải bắp, cải bao, cải làn, cải xanh ngọt..., xà lách, dưa hấu, dưa chuột, dưa chuột bao tử, mướp đắng / Trần Khắc Thi, Trần Ngọc Hùng.. - H. : Nông nghiệp, 2002. - 87 Tr. ; 19 cm., Phân loại: 635.048 TRT 2002, Tài liệu tham khảo
1327	Kỹ thuật trồng xoài,na,đu đủ, hồng xiêm / Tác giả:Trần Thế Tục. - Hà Nội : Nông nghiệp, 2002 - 131 Tr.; 19 cm, Phân loại: 634.4 TRT 2002, Tài liệu tham khảo
1328	Những điều nông dân miền núi cần biết Tập 2 /Cục khuyến nông và khuyến lâm. - Hà Nội : Nông nghiệp, 2002 - 167 Tr.; 19 cm, Phân loại: 630.2 NHU 2002/2, Tài liệu tham khảo
1329	Những điều nông dân miền núi cần biết Tập 1 /Cục khuyến nông và khuyến lâm. - Hà Nội : Nông nghiệp, 2002 - 156 Tr.; 19 cm, Phân loại: 630.2 NHU 2002/1, Tài liệu tham khảo
1330	Kỹ thuật thâm canh mạ / Nguyễn Văn Hoan. - H. : Nông nghiệp, 2002 - 96 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.183 1 NGH 2002, Tài liệu tham khảo

1331	Kỹ thuật trồng trọt và phòng trừ sâu bệnh cho một số cây ăn quả vùng núi phía Bắc / Chủ biên :Hà Minh Trung. - Hà nội : Nông nghiệp , 2002 - 79 tr.; 19 cm, Phân loại: 634.04 KYT 2002, Tài liệu tham khảo
1332	Kỹ thuật trồng dâu, nuôi tằm / Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Hà Nội. : Nông nghiệp, 2002 - 74 Tr.; 19 cm, Phân loại: 633.89 KYT 2002, Tài liệu tham khảo
1333	Ngành rau quả ở Việt Nam : Tăng giá trị từ khâu sản xuất đến tiêu dùng. Viện Nghiên cứu chính sách lương thực quốc tế. - Hà Nội : Knxb, 2002 - 162 tr.; 19cm, Phân loại: 635 NGA 2002, Tài liệu tham khảo
1334	Sổ tay trồng lúa / Đỗ Ánh. - H. : Nông nghiệp 1, 2002 - 64 tr.; 19 cm, Phân loại: 633.18 ĐOA 2002, Tài liệu tham khảo
1335	Hỏi đáp về các chế phẩm điều hoà sinh trưởng tăng năng suất cây trồng / Lê Văn Tri. - H.: Nông nghiệp, 2002 - 82 Tr.; 19 cm, Phân loại: 631.8 LET 2002, Tài liệu tham khảo
1336	Từ điển thuật ngữ chọn giống cây trồng Anh-Việt : English-Vietnamese Glossary/Dictionary on Plant Breeding / Hoàng Tuyết Minh.. - H. : Nông nghiệp, 2002. - 123 tr ; 19 cm., Phân loại: 631.570 3 HOM 2002, Từ điển
1337	Kỹ thuật trồng một số giống lạc và đậu tương mới trên đất cạn miền núi / Nguyễn Văn Viêt. - H.: Nông nghiệp, 2002 - 43 Tr.; 19 cm, Phân loại: 633.368 596 NGV 2002, Tài liệu tham khảo
1338	Thiết kế VAC cho mọi vùng : Nguyên lý và mô hình / Phạm Văn Côn. - H.: Nông nghiệp, 2002 - 168 Tr.; 19 cm, Phân loại: 630 PHC 2002, Tài liệu tham khảo
1339	V.A.C và đời sống / Ngô Trục Nhã, Biên soạn. - H. : Nông nghiệp, 2002 - 192 tr.; 19 cm., Phân loại: 630.2 VAC 2002, Tài liệu tham khảo
1340	Kỹ thuật vườn ươm cây rừng ở hộ gia đình / Biên soạn: Nguyễn Xuân Khoát. - Hà nội : Nông nghiệp, 2002 - 119 tr.; 19 cm, Phân loại: 634.9 KYT 2002, Tài liệu tham khảo
1341	Kỹ thuật trồng một số cây ăn quả & cây đặc sản ở vùng núi thấp / Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Hà nội : Nông nghiệp, 2002 - 116 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.04 KYT 2002, Từ điển
1342	Hướng dẫn áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong lâm nghiệp / Viện khoa học lâm nghiệp Việt nam. - H.: Nông nghiệp, 2002 - 59 tr.; 19 cm, Phân loại: 634.95 HUO 2002, Tài liệu tham khảo
1343	Kỹ thuật trồng các giống lúa mới / Chủ biên: Trương Đích. - Hà nội. : Nông nghiệp, 2002 - 213 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.185 23 TRĐ 2002, Tài liệu tham khảo
1344	Kỹ thuật trồng các giống ngô mới năng xuất cao / Trương Đích, Phạm Đồng Quảng. - H.: Nông nghiệp, 2002 - 54 Tr.; 19 cm, Phân loại: 633.15 TRĐ 2002, Từ điển

1345	Cây nhãn kỹ thuật trồng và chăm sóc / Trần Thế Tục. - H. : Nông nghiệp, 2002 - 120 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.4 TRT 2002, Tài liệu tham khảo
1346	Sổ tay khuyến nông : Sách dùng cho khuyến nông viên cơ sở ./ Cục khuyến nông và khuyến lâm. - Hà nội : Nông nghiệp, 2002 - 290 tr.; 19 cm, Phân loại: 633 SOT 2002, Tài liệu tham khảo
1347	VAC và đời sống / Trung tâm môi trường và tài nguyên sinh học. - H.: Nông nghiệp, 2002 - 192 Tr.; 19 cm., Phân loại: 630.2 VAC 2002, Tài liệu tham khảo
1348	Kỹ thuật trồng cây ăn quả hiệu quả kinh tế cao :Cây lê, cây mận, cây đào ăn quả. Tập 2. - H. : Lao động xã hội, 2002 - 57 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.4 KYT 2002/2, Tài liệu tham khảo
1349	Kỹ thuật trồng cây đặc sản hiệu quả kinh tế cao cây nhãn, cây vải thiều, cây giẻ lấy quả. Tập 1. - H. : Lao động xã hội, 2002 - 70 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.4 KYT 2002/1, Tài liệu tham khảo
1350	Cây hoa hồng và kỹ thuật trồng / Đặng Văn Đông. - H. : Lao động xã hội, 2002 - Tr, 20,5 cm., Phân loại: 635.977 13 ĐAĐ 2002, Tài liệu tham khảo
1351	Pheromon của côn trùng: Giáo trình dùng cho sinh viên ngành Sinh học, Y học, Sư phạm, Nông nghiệp, Lâm nghiệp,...các trường đại học và cao đẳng / Bùi Công Hiền. - H. : Khoa học và kỹ thuật, 2002 - 159 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632.950 4 BUH 2002, Tài liệu tham khảo
1352	Soybean production and post Harvest technology for innovation in Indonesia : Proceedings of RILET-JIRCAS Workshop on Soybean Research September 28, 2000, Malang, Indonesia . - Tsukuba : Jircas, 2002 - vii, 88p.: 30 cm, Phân loại: 633.346 SOY 2002, Tài liệu tham khảo
1353	Development of new technologies and their practice for sustainable farming systems in the Mekong Delta / Compiled by Satoru Miyata. - Tsukuba : Japan International research center for Agricultural Sciences, 2002 - 114p. ; 30 cm, Phân loại: 630.7 DEV 2002, Tài liệu tham khảo
1354	Potentials and constraints of banana-based farming systems: a case of an upland village in West Java / Edited by Junko Goto, Henny Mayrowani. - Tsukuba : Japan International research center for Agricultural Sciences, 2002 - 152 p. ; 30 cm, Phân loại: 630.2 POT 2002, Tài liệu tham khảo
1355	Agricultura tropica et subtropica . Vol 35 /Universitas agriculturae praga. - [S.l.] Institute of tropical and subtropical agriculture, 2002 - 208 p. ; 19 cm, Phân loại: 630.2 AGR 2002, Tài liệu tham khảo

1356	Annual report 2001 (April 2001- March 2002) / Japan International Research Center for Agricultural Sciences. - Ohwashi : Japan International Research Center for Agricultural Sciences, 2002 - 147p . ; 30 cm, Phân loại: 630.7 ANN 2001, Tài liệu tham khảo
1357	Water for sustainable agriculture in developing regions-more crop for every scarce drop : Proceedings of the 8th JIRCAS international symposium Tsukuba, 27, 2 November 2001 / Edited by M.Yajima, K.Okada, N. Matsumoto. - Ohwashi : Japan International research center for Agricultural sciences, 2002 - 132 p. ; 30 cm, Phân loại: 631.62 WAT 2002, Tài liệu tham khảo
1358	Des approches innovantes au service du développement agricole : Résultats et enseignements de travaux de recherche pour le développement agricole réalisés par les acteurs de la coopération franco-vietnamienne dans le bassin du fleuve rouge . - H. : Maison D'edition de L'agriculture, 2002 - 67 p. ; 30 cm, Phân loại: 630.7 APP 2002, Tài liệu tham khảo
1359	Nông lâm kết hợp và các hệ thống cải tiến sử dụng đất vùng cao Việt Nam : Những nội dung chính của lớp tập huấn Quốc Gia về Nông Lâm kết hợp cho đào tạo viên (ToT) 22-23/10 năm 1999, Chợ Đồn Bắc Kan Việt Nam / Dự án VACB. - H. : Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam, 2002 - 51 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 630.2 NON 2002, Tài liệu tham khảo
1360	Collected papers on environmental effects and their control in plant propagation and transplant production. Vol 2 (1999-2002) /T.Kozai, C.Kubota, C.Chun. - [S.l.]. :[S.n.], 2002 - 657 p. ; 30 cm, Phân loại: 631.53 KOZ 2002, Tài liệu tham khảo
1361	Bảo quản và chế biến nông sản sau thu hoạch / Trần Minh Tâm. PGS. - H. : Nông nghiệp, 2002 - 403 Tr. ; 20,5cm, Phân loại: 631.071 1 TRT 2002, Từ điển
1362	Tuyển trùng ký sinh cây ăn quả và bệnh pháp phòng trừ / Nguyễn Vũ Thanh. - H. : Nông nghiệp, 2002 - 184 Tr. ; 21 cm, Phân loại: 634.049 9 NGT 2002, Tài liệu tham khảo
1363	Sản xuất hạt giống nguyên chủng và F1 của lúa lai "3 dòng" và lúa lai "2 dòng" / Trần Ngọc Trang. - H. : Nông nghiệp, 2002 - 184 Tr. ; 19 cm., Phân loại: 633.182 1 TRT 2002, Tài liệu tham khảo
1364	Kỹ thuật trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh cho cây cam quýt, nhãn, hồng / Lê Văn Thuyết, Nguyễn Văn Hợp - H. : Nông nghiệp, 2002 - 63 Tr. ; 19 cm., Phân loại: 634.385 KYT 2003, Tài liệu tham khảo
1365	Chọn tạo và trồng cây cam quýt phẩm chất, năng suất cao / Hoàng Ngọc Thuận. - H. : Nông nghiệp, 2002 - 99 Tr. ; 19 cm., Phân loại: 634.304 HOT 2002, Tài liệu tham khảo

1366	Sử dụng bền vững đất miền núi và vùng cao ở Việt nam./ Thái Phiên. - H.: Nông nghiệp, 2002 - 152 tr. ; 25 cm., Phân loại: 631.47 THP 2002, Tài liệu tham khảo
1367	Nông nghiệp bền vững cơ sở và ứng dụng / Nguyễn Văn Mẩn. - Thanh Hoá, Viện Nghiên cứu và Phổ biến kiến thức bách khoa, 2002 - 190 tr. ; 19 cm., Phân loại: 630 NGM 2002, Tài liệu tham khảo
1368	Inoculants and nitrogen fixation of legumes in Vietnam : proceedings of a workshop held in Hanoi, Vietnam 17-18 February 2001 / editor D. Herridge.. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 2002. - 116 p. : 24 cm., Phân loại: 635.5 INO 2002, Tài liệu tham khảo
1369	Biological control of crop pests : Proceedings from a Vietnamese-Norwegian Workshop 25-26 September 2001, As, Norway / Edited by Trond Hofsvang. - Norwegian : Plant forsk, 2002 - 116 p. ; 24 cm., Phân loại: 632.9 BIO 2002, Tài liệu tham khảo
1370	Cây hồng xiêm và kỹ thuật trồng / Trần Thế tục. - H. : Lao động xã hội, 2002 - 56 tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.43 TRT 2004, Tài liệu tham khảo
1371	Bonsai cây kiểng cổ ./ Trần Hợp. - TP.Hồ Chí Minh. : Nông nghiệp, 2002 - 111 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635.977 2 TRH 2002, Tài liệu tham khảo
1372	Kỹ thuật trồng cây làm nguyên liệu giấy / Viện khoa học Lâm Nghiệp Việt Nam. - H. : Lao động xã hội, 2002 - 135 Tr. ; 20,5 cm, Phân loại: 633.89 KYT 2002, Tài liệu tham khảo
1373	Kỹ thuật trồng cây có dầu cho giá trị kinh tế cao: Cây sỏ, cây trám, cây hạnh đào / Cao Thị Thu, biên tập. - H. : Lao động - xã hội, 2002 - 34 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.85 KYT 2002, Tài liệu tham khảo
1374	Cây táo và kỹ thuật trồng: Zizyphus mauritiana l / Trần Thế Tục. - H. : Lao động - xã hội, 2002 - 52 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.11 TRT 2002, Tài liệu tham khảo
1375	Tài liệu tập huấn kỹ thuật cho cán bộ khuyến lâm xã miền núi / Cục phát triển lâm nghiệp - Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn. - H. : Nông nghiệp, 2002 - 238 Tr. ; 31 cm, Phân loại: 630.7 TAI 2002, Tài liệu tham khảo
1376	Cây thế Việt Nam nghệ thuật - kỹ thuật và đạo chơi / Lê Quang Khang. - H. : Văn hoá dân tộc, 2002 - 245 Tr. ; 20,5 cm, Phân loại: 635.977 2 LEK 2002, Tài liệu tham khảo
1377	Kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ trong nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 1996-2000 / Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn. - H. : Nông nghiệp, 2002 - 523 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 630.7 KET 2002, Tài liệu tham khảo
1378	Những câu chuyện về phát triển Miền núi thành công ở Việt Nam: Chúng ta đều là người dân Miền núi . - H. : Hà Nội, 2002 - 120 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 630.597 NHU 2002, Tài liệu tham khảo

1379	Phân phức hợp hữu cơ vi sinh / Lê Văn Tri. - H. : Nông nghiệp, 2002 - 63 Tr. ; 19 cm., Phân loại: 631.86 LET 2002, Tài liệu tham khảo
1380	Quản lý rừng cộng đồng trong phát triển bền vững nông thôn vùng núi phía Bắc Việt nam ./ Chương trình nghiên cứu Việt nam - Hà lan (VNRP). - H. : Nông nghiệp, 2002 - 151 tr.; 19 cm, Phân loại: 634.92 QUA 2002, Tài liệu tham khảo
1381	Lửa rừng: Giáo trình Đại học Lâm nghiệp / Bế Minh Châu, Phùng Văn Khoa. - H. : Nông nghiệp, 2002 - 139 Tr.; 27 cm, Phân loại: 634.92 BEC 2002, Tài liệu tham khảo
1382	Cây hồng= Paulownia fortunei / Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam. - H. : Nông nghiệp, 2002 - 59 Tr.; 27 cm, Phân loại: 634.97 CAY 2002, Từ điển
1383	50 năm xây dựng và trưởng thành vì sự nghiệp phát triển nông nghiệp và nông thôn Việt Nam / Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam. - H. : Nông nghiệp, 2002 - 204 Tr.; 27 cm, Phân loại: 630.07 NAM 2002, Tài liệu tham khảo
1384	Giáo trình động lực học máy thu hoạch: Dành cho cao học ngành cơ khí nông nghiệp / Đào Quang Triệu. - H. : Nông nghiệp, 2002 - 183 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 631.307 11 ĐAT 2002, Tài liệu tham khảo
1385	Kỷ yếu hội thảo quốc gia về khoa học và công nghệ bảo vệ thực vật: Kỷ niệm 50 ngày bắt đầu các hoạt động BVTV ở Việt Nam 1953 - 2003 . - H. : Nông nghiệp, 2002 - 336 Tr. ; 27 cm., Phân loại: 632 KYY 2002, Tài liệu tham khảo
1386	The first International students summit on food, agriculture, and the environment in the new century , Vol. 1/Edited by Tokyo University of Agriculture TUA Press. - Tokyo : Tokyo University of Agriculture Press, 2002 - 385 p. : 19 cm., Phân loại: 630 FIR 2002, Từ điển
1387	Agricultural biotechnology : country case studies : a decade of development / edited by Gabrielle J. Persley, L. Reginald MacIntyre.. - Wallingford, Oxon, UK ; New York, NY, USA : CABI Pub., 2002. - xix, 228 p. : 25 cm., Phân loại: 631.5 AGR 2002, Tài liệu tham khảo
1388	Hỏi đáp về đất, phân bón và cây trồng / Nguyễn Công Vinh. - H. : Nông nghiệp, 2002 - 92 Tr. ; 19 cm., Phân loại: 631.8 NGV 2002, Tài liệu tham khảo
1389	Engineering the farm : Ethical and social aspects of agricultural biotechnology / edited by Britt Bailey, Marc Lapp1l. - Washington, D.C. : Island Press, 2002. - xix, 202 p. ; 24 cm., Phân loại: 631.53 ENG 2002, Tài liệu tham khảo
1390	Hội thảo quốc gia về đẩy mạnh quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng Việt Nam= national workshop on encouraging sustainable forest management and forest certification in VietNam Ha Noi, 22-23 October, 2002 / Hội khoa học kỹ thuật Lâm nghiệp Việt Nam. - H. : Văn hoá dân tộc, 2002 - 93 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 634.925 97 HOI 2002, Tài liệu tham khảo

1391	Đổi mới ở vùng miền núi: Chuyển đổi sử dụng đất và chiến lược sản xuất của nông dân tỉnh Bắc Kạn / Đặng Đình Quang, Jean-Christophe Castella. Chủ biên. - H. : Nông nghiệp, 2002 - 280 Tr. ; 24 cm, Phân loại: 631.47 ĐOI 2002, Tài liệu tham khảo
1392	Fungal Pathogenesis principles and Clinical Applications./ Richard A. Calderone, Ronald L.Cihlar. - New York : Marcel Dekker, Inc , 2002 - 762p. ; 25cm, Phân loại: 632.4 CAL 2002, Tài liệu tham khảo
1393	Plant biotechnology and transgenic plants / Edited by Kirsi-Marja Oksman-Caldentey, Wolfgang H. Barz.. - New York : M. Dekker, 2002. - xii, 719 p. : 24 cm., Phân loại: 631.5 PLA 2002, Tài liệu tham khảo
1394	Bacterial disease resistance in plants: Molecular biology and biotechnological applications./ P.Vidhyasekaran. - USA; The Haworth Press, Inc, 2002 - 452 p.; 25 cm, Phân loại: 632.3 VID 2002, Tài liệu tham khảo
1395	Transgenic Plants and Crops./ George G.Khachatourians...[et al.]. - New Your: Marcel Dekker. Inc, 2002 - 876p. : 29 cm., Phân loại: 631.523 TRA 2002, Tài liệu tham khảo
1396	Molecular biology of Fungal development / Heinz D. Osiewacz. - New York. : Marcel Dekker,Inc, 2002. - 607 p. 24 cm. , Phân loại: 632.4 OSI 2002, Tài liệu tham khảo
1397	Breeding research on aromatic and medicinal plants./ Chrisopher B. Johnson. - New York.: Haworth Press, 2002 - 435p.: 20cm, Phân loại: 633.81 JOH 2002, Tài liệu tham khảo
1398	Quality improvement in field crops./ A. S.Basara. - New York.: Haworth Press, 2002 - 431p.: 20cm, Phân loại: 631.523 BAS 2002, Tài liệu tham khảo
1399	Crop improvement challenges in the twenty - first century./ Manjit S. Kang. - New York.: Haworth Press, 2002 - 389p.: 20cm, Phân loại: 631.523 KAN 2002, Tài liệu tham khảo
1400	Biological control of crop diseases / Edited by Samuel S. Gnanamanickam.. - New York : Marcel Dekker, Inc., 2002. - xiv, 468 p. : 24 cm., Phân loại: 632.3 BIO 2002, Tài liệu tham khảo
1401	Handbook of Plant growth : pH as the master variable / Edited by Zdenko Rengel.. - New York : Marcel Dekker, 2002. - ix, 446 p., [4] p. of plates : 24 cm., Phân loại: 631.58 HAN 2002, Từ điển
1402	Encyclopedia of Pest management / Edited by David Pimentel.. - New York : Marcel Dekker, 2002. - xxii, 929 p. : 29 cm., Phân loại: 632.03 ENC 2002, Từ điển
1403	An Illustrated Guide to Pruning./ Edward F. Gilman. - Australia.: Delmar Thomson Learning, 2002 - 330p.; 25cm, Phân loại: 635.99 GIL 2002, Tài liệu tham khảo

1404	Methods in Agricultural Chemical Analysis: Practical handbook./ N. T. Faithfull. - USA.: CABI, 2002 - 266p.; 20cm, Phân loại: 630.243 FAI 2002, Tài liệu tham khảo
1405	Casava Biology, Production and Utilization : . - New York, USA : CABI Publishing : 2002 - 331 p. ; 27 cm., Phân loại: 633.682 INT 2002, Tài liệu tham khảo
1406	Fruits and vegetables in Vietnam: Adding value from farmer to consumer . - Washington : Nxb [], 2002 - [] Tr. ; 29cm., Phân loại: 635.597 FRU 2002, Tài liệu tham khảo
1407	Adoption of hybrid rice in Asia / . - Rome Food and Agriculture Organization of the United Nations , 2002 - 162 Tr. ; 24 cm, Phân loại: 633.18 ADO 2002, Tài liệu tham khảo
1408	Rừng lá rộng rụng lá ở miền nam Việt Nam và quản lý bền vững / Hoàng Sỹ Động. TS. - H. : Khoa học và kỹ thuật, 2002 - 252 Tr. ; 25 cm, Phân loại: 634.95 HOD 2002, Tài liệu tham khảo
1409	Sổ tay giới thiệu công cụ, máy thu hoạch và sau thu hoạch lúa, ngô, đậu đỗ . - H. : [] , 2002 - 192 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.3 SOT 2002, Tài liệu tham khảo
1410	Vegetables, herbs & fruit : an illustrated encyclopedia / [Matthew Biggs, Jekka McVicar, Bob Flowerdew].. - San Diego, Calif. : Laurel Glen Pub., c2002. - 640 p. : 28 cm., Phân loại: 635 BIG 2002, Từ điển
1411	Tre trúc gây trồng và sử dụng./ Ngô Quang Đê. - Nghệ An, Viện nghiên cứu và phổ biến kiến thức bách khoa / Ngô Quang Đê - 111 tr; 19cm., Phân loại: 634.97 NGĐ 2003, Tài liệu tham khảo
1412	Genomics of Plant and Fungi./ Rolf A. Prade,Hans J. Bohnert. - New York.: Marcel Dekker, 2003 - 381p.; 20cm, Phân loại: 632.4 GEN 2003, Tài liệu tham khảo
1413	Cây xoài và những điều cần biết ./ Phạm Thị Hương,Trần Thế Tục,Nguyễn Quang Thạch. - H.: Nông nghiệp, 2003. - 95 Tr., 19 cm., Phân loại: 634.44 PHH 2003, Tài liệu tham khảo
1414	Hội thảo đa dạng sinh học và xoá đói giảm nghèo ở vùng núi Việt nam : SaPa 26-28/5/2003./ Chủ biên:Lê Trọng Cúc, Nguyễn Tất Cảnh, Trần Văn Ôn. - H.: Knxb, 2003 - 303 tr.; 27 cm., Phân loại: 632.9 HOI 2003, Tài liệu tham khảo
1415	Tóm tắt một số biên bản khảo nghiệm, bình tuyển và kiểm tra chất lượng các loại máy kéo và máy dùng trong nông nghiệp Việt Nam từ 1968-1998 / Hồ Đông Lĩnh, Vũ Văn Long. - H. : [s.n.], 2003 - 356 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 631.3 HOL 2003, Tài liệu tham khảo
1416	Côn trùng học ứng dụng / Bùi Công Hiền, Trần Huy Thọ. - H. : Khoa học và kỹ thuật, 2003 - 167 Tr. ; 24 cm, Phân loại: 632.7 BUH 2003, Tài liệu tham khảo
1417	Kỹ thuật trồng rau ăn lá rau ăn hoa & gia vị / Đường Hồng Dật. - H. : Lao động xã hội, 2003 - 112 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635.3 ĐUD 2003, Tài liệu tham khảo

1418	Kỹ thuật trồng cà và cà chua / Đường Hồng Dật. - H. : Lao động xã hội, 2003 - 60 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635.642 ĐUD 2003, Tài liệu tham khảo
1419	Chuẩn đoán nhanh bệnh hại thực vật / Vũ Triệu Mân. - H. : Nông nghiệp, 2003 - 104 Tr. ; 21 cm, Phân loại: 632.3 VUM 2003, Tài liệu tham khảo
1420	VAC tầm cao mới của nghề làm vườn / Đường Hồng Dật. - H. : Nông nghiệp, 2003 - 259 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 630.2 ĐUD 2003, Tài liệu tham khảo
1421	Hướng dẫn làm kinh tế gia đình phát triển V.A.C / Nguyễn Duy Khoát. - H. : Phụ nữ, 2003 - 194 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 630 NGK 2003, Tài liệu tham khảo
1422	Nâng cao chất lượng lúa gạo phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu / Lê Doãn Diên. - H. : Nông nghiệp, 2003 - 206 Tr. ; 20,5 cm, Phân loại: 633.18 LED 2003, Tài liệu tham khảo
1423	Côn trùng sử dụng thuốc diệt côn trùng bảo vệ môi trường / Nguyễn Đức Khiển. - H. : Nghệ An, 2003 - 116 Tr. ; 19,5 cm, Phân loại: 632.951 NGK 2003, Tài liệu tham khảo
1424	Công nghệ mới trồng hoa cho thu nhập cao. Quyển 1, Đặng Văn Đông. - H. : Lao động xã hội, 2003 - 82 Tr. ; 19,5 cm, Phân loại: 635.977 13 ĐAD 2003/1, Tài liệu tham khảo
1425	Công nghệ mới trồng hoa cho thu nhập cao . Quyển 2, Đinh Thế Lộc. - H. : Lao động xã hội, 2003 - 71 Tr. ; , Phân loại: 635.977 13 ĐAD 2003/2, Tài liệu tham khảo
1426	Sử dụng phân bón phối hợp cân đối : Nguyên lý và giải pháp / Võ Minh Kha. - H. : Nghệ An, 2003 - 111 Tr. ; 19,5 cm, Phân loại: 631.816 VOK 2003, Tài liệu tham khảo
1427	Some remarks on current pesticide use in the Northern Vietnam . - H. : [S.n.], 2003 - 25 p. ; 30 cm, Phân loại: 632.951 7 SOM 2003, Tài liệu tham khảo
1428	Citrus production : A manual for Asian farmers / Editor by Woo Nang Chang, Jan Bay Petersen. - Wenchow : Food and fertilizer technology center, 2003 - 85 p. ; 30 cm, Phân loại: 634.3 CIT 2003, Tài liệu tham khảo
1429	Insect collection and preservation : A manual for the techniques / Kazuo Ogata, Ha Quang Hung. - H. : Hanoi Agricultural University, 2003 - 34 p. ; 30 cm., Phân loại: 632.7 OGA 2003, Tài liệu tham khảo
1430	Hội thảo Bệnh cây và Sinh học phân tử : The 2ND National Conference on plant pathology and Molecular Biology HAU, 23-25/10/2003(Lần thứ 2).Đại học Nông nghiệp I-Hà nội23-25/10/2003 / Hội sinh học phân tử bệnh lý thực vật Việt Nam(VMPPS). - H. : ĐHNNI, 2003 - 179 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 632.3 HOI 2003, Tài liệu tham khảo
1431	Vi sinh vật học Nông nghiệp : Giáo trình dùng cho sinh viên hệ Cao đẳng Sư phạm / Nguyễn Xuân Thành.. - H. : Đại học Sư phạm, 2003. - 367 Tr. ; 24 cm., Phân loại: 631 NGT 2003, Tài liệu tham khảo

1432	Kỷ yếu hội thảo khoa học chuyên đề :Bảo vệ thực vật phục vụ chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở các tỉnh phía nam và Tây Nguyên / Bùi Cách Tuyến, Ban biên tập. - Vũng Tàu : ĐHNL TP.HCM, 2003 - 211Tr. ; 30 cm, Phân loại: 631.58 KYY 2003, Tài liệu tham khảo
1433	Plants, genes, and crop biotechnology / Maarten J. Chrispeels & David E. Sadava.. - Boston : Jones and Bartlett Publisher, 2003. - xxiv, 562 p. : 29 cm., Phân loại: 633.03 CHR 2003, Tài liệu tham khảo
1434	Giáo trình di truyền số lượng (Chương trình Cao học)./ Bùi Chí Bửu. - H.: Nông nghiệp, 2003 - 131tr., 27cm., Phân loại: 631.523 3 BUB 2003, Tài liệu tham khảo
1435	Biện pháp canh tác phòng chống sâu bệnh và cỏ dại trong nông nghiệp / Phạm Văn Lâm. - H. : Nông nghiệp, 2003 - 79 Tr. ; 19cm, Phân loại: 633.9 PHL 2003, Tài liệu tham khảo
1436	English textbook of pasture farming in Kazakhstan (with fundamental ecology) / K.A. Asanov ... [et al.]. - Japan : Japan International research Center for Agricultural Sciences, 2003 - iii, 274 p. ; 30 cm., Phân loại: 633.2 ENG 1992, Tài liệu tham khảo
1437	Cẩm nang kỹ thuật nhân giống cây geo hạt - chiết cành, giâm cành - ghép cành, Tập 1 /Nguyễn Duy Minh. - H. : Nông nghiệp, 2003 - 108 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.53 NGM 2003/1, Tài liệu tham khảo
1438	Cẩm nang kỹ thuật nhân giống cây geo hạt - chiết cành, giâm cành - ghép cành. Tập 2 /Nguyễn Duy Minh. - H. : Nông nghiệp, 2003 - 176 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.53 NGM 2003/2, Tài liệu tham khảo
1439	Độ phì nhiêu của đất và dinh dưỡng cây trồng / Đỗ Ánh. - H. : Nông nghiệp, 2003 - 88 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.422 ĐOA 2003, Tài liệu tham khảo
1440	Kỹ thuật trồng một số cây ăn quả và cây đặc sản ở vùng núi cao / Cục khuyến nông và khuyến lâm. - H. : Nông nghiệp, 2003 - 72 Tr. ; 20,5 cm, Phân loại: 634.048 KYT 2003, Tài liệu tham khảo
1441	Kỹ thuật nuôi trồng một số cây - con dưới tán rừng / Võ Đại Hải. - H. : Nông nghiệp, 2003 - 159 Tr. ; 21 cm, Phân loại: 634.99 VOH 2003, Tài liệu tham khảo
1442	Bệnh hại cà chua do nấm, vi khuẩn và biện pháp phòng chống : Sách chuyên khảo / Nguyễn Văn Viên, Đỗ Tấn Dũng. - H. : Nông nghiệp, 2003 - 84 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635.642 NGV 2003, Tài liệu tham khảo
1443	Giống và kỹ thuật thâm canh cây có củ / Mai Thạch Hoàn., - H. : Nông nghiệp, 2003 - 196 Tr. ; 19 cm., Phân loại: 635.253 MAH 2003, Tài liệu tham khảo
1444	Kỹ thuật trồng một số cây ăn quả & cây đặc sản ở vùng núi thấp / Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn. - H. : Nông nghiệp, 2003 - 115 Tr. ; 20,5 cm, Phân loại: 634.04 KYT 2003, Từ điển

1445	Kỹ thuật trồng một số cây rau quả giàu vitamin / Trần Thế Tục. - H. : Nông nghiệp, 2003 - 148 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635 TRT 2003, Tài liệu tham khảo
1446	Trồng cỏ nuôi bò sữa / Nguyễn Thiện. - H. : Nông nghiệp, 2003 - 108 Tr. ; 19 cm., Phân loại: 633.202 NGT 2003, Từ điển
1447	Kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản 2001 : Tổng cục Thống kê. . - H. : Thống kê, 2003. - 719 Tr. ; 25 cm., Phân loại: 630 KET 2003, Từ điển
1448	Trồng Macadamia ở Australia./ Lê Đình Khả: Người dịch. - H.: Nông nghiệp, 2003 - 72 tr. ; 25 cm., Phân loại: 634.04 TRO 2003, Tài liệu tham khảo
1449	Phát triển các loài keo Acacia ở Việt nam./ Nguyễn Hoàng Nghĩa. - H.: Nông nghiệp, 2003 - 132 tr.; 27 cm., Phân loại: 634.94 NGN 2003, Tài liệu tham khảo
1450	Sao bạn chưa trồng nấm? / Nguyễn Duy Diễm, Huỳnh Thị Dung. - H. : Phụ nữ, 2003 - 135 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635.8 NGĐ 2003, Tài liệu tham khảo
1451	Các biện pháp phòng trừ sâu bệnh, cỏ dại / Hà Thị Hiến, Biên soạn. - H. : Văn hoá dân tộc, 2003 - 247 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632. CAC 2003, Tài liệu tham khảo
1452	Biological control and Integrated Pest Management (IPM) in vegetables in Vietnam : Proceeding. Vietnamese Norwegian Workshop, Hanoi 17-18 October 2002 . - Norwegian : Plant forsk, 2003 - 169 p. ; 25 cm., Phân loại: 635.99 BIO 2003, Tài liệu tham khảo
1453	Annual report 2002 (April 2002- March 2003) / Japan International Research Center for Agricultural Sciences. - Ohwashi : Japan International Research Center for Agricultural Sciences, 2003 - 169 p. ; 30 cm., Phân loại: 630.2 ANN 2002, Tài liệu tham khảo
1454	Tuyển tập các công trình khoa học kỹ thuật nông nghiệp năm 2003. . - H. : Nông nghiệp, 2003 - 148 tr. ; 27 cm., Phân loại: 630.2 TUY 2003, Tài liệu tham khảo
1455	Nuôi trồng và sử dụng Nấm ăn,nấm dược liệu / Nguyễn Hữu Đồng. - H.: Nghệ an, 2003 - 179 Tr. ; 21 cm, Phân loại: 635.8 NGĐ 2003, Tài liệu tham khảo
1456	Kỹ thuật trồng cà chua an toàn,quanh năm / Mai Thị Phương Anh. - H.: Nghệ An, 2003 - 158 Tr. ; 21 cm, Phân loại: 635.642 58 MAA 2003, Tài liệu tham khảo
1457	Canh tác nương rẫy và phục hồi rừng sau nương rẫy ở Việt nam ./ Võ Đại Hải. - H.: Nghệ an, 2003 - 207 Tr. ; 21 cm, Phân loại: 631.581 8 CAN 2003, Tài liệu tham khảo
1458	Kỹ thuật nuôi trồng nấm mỡ, nấm rom,nấm sò,nấm hương và mộc nhĩ ./ Đường Hồng Dật. - H. : Hà nội, 2003 - 88Tr. ; 21 cm, Phân loại: 635.8 ĐUD 2003, Tài liệu tham khảo
1459	Cây Mắc ca Cây quả khô quý hiếm dự báo khả năng phát triển ở các vùng miền núi Việt nam / Nguyễn Công Tạn. - H. : Nông Nghiệp, 2003 - 159 Tr. ; 21 cm, Phân loại: 634.5 NGT 2003, Tài liệu tham khảo

1460	Cây rau vị thuốc trong vườn nhà . - H. : Thông tin, 2003 - 115 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635 CAY 2003, Tài liệu tham khảo
1461	Cây lúa và kỹ thuật thâm canh cao sản ở hộ nông dân ./ Nguyễn Văn Hoan. - H. : Nghệ an, 2003 - 339 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.188 NGH 2003, Tài liệu tham khảo
1462	Cam, chanh, quýt, Bưởi ./ Đường Hồng Dật. - H. : Lao động xã hội, 2003 - 96 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.38 DUD 2003, Tài liệu tham khảo
1463	Cây dứa và kỹ thuật trồng / Đường Hồng Dật. - H. : Lao động xã hội, 2003 - 68 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.774 ĐUD 2003, Tài liệu tham khảo
1464	Độ phì nhiêu thực tế / Nguyễn Vy. - H. : Nhệ An, 2003 - 147 Tr. ; 20,5 cm, Phân loại: 631.42 NGV 2003, Tài liệu tham khảo
1465	Cây ăn quả có múi cam - chanh - quýt - bưởi ./ Nguyễn Hữu Đông. - H. : Nghệ An, 2003 - 107 Tr. ; 20,5 cm, Phân loại: 634.304 8 NGĐ 2003, Tài liệu tham khảo
1466	Sử dụng đất bền vững ở Trung du, Miền núi / Phạm Đức Tuấn. - H. : Nông nghiệp, 2003 - 99 Tr. ; 20 cm, Phân loại: 631.47 PHT 2003, Tài liệu tham khảo
1467	Phương pháp khuyến nông có sự tham gia của người dân: Tài liệu dùng để tham khảo khuyến nông viên, huyện, xã / Nguyễn Viết Khoa, Chủ biên. - H. : Nông nghiệp, 2003 - 102 Tr. ; 24 cm, Phân loại: 630.2 PHU 2003, Tài liệu tham khảo
1468	Four seasons in five senses : things worth savoring / by David Mas Masumoto.. - New York : W.W. Norton, 2003. - ix, 273 p. : 22 cm., Phân loại: 634.258 4 MAS 2003, Tài liệu tham khảo
1469	Sổ tay nghệ nhân cây cảnh / Nguyễn Ngọc Thạch, Chủ biên. - H. : Văn hoá thông tin, 2003 - 176 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635.977 2 NGT 2003, Tài liệu tham khảo
1470	Cây chè Việt Nam năng lực cạnh tranh xuất khẩu và phát triển / Nguyễn Hữu Khải. - H. : Lao động xã hội, 2003 - 230 Tr. ; 20,5 cm, Phân loại: 633.72 NGK 2005, Tài liệu tham khảo
1471	Tuyển trùng thực vật và cơ sở phòng trừ / Nguyễn Ngọc Châu. - H. : Khoa học kỹ thuật, 2003 - 302 Tr. ; 24 cm, Phân loại: 632.6 NGC 2003, Tài liệu tham khảo
1472	Hội thảo quốc gia bệnh cây và sinh học phân tử: Lần 2 - ĐH Nông nghiệp I - Hà Nội 23-25/10/2003 / Vũ Triệu Mân, Nguyễn Văn Tuất...[et al], Biên tập. - H. : Nông nghiệp, 2003 - 179 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 632.3 HOI 2003, Tài liệu tham khảo
1473	Kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản 2001= : Results of the 2001 rural,agricultural / Tổng cục Thống kê.. - H. : Thống kê, 2003. - 719 Tr. ; 27 cm., Phân loại: 630 KET 2003, Từ điển
1474	Lịch sử quản lý đất đai / Nguyễn Đức Khả. - H. : ĐHQG HN, 2003 - 25.600 Tr. ; 20,5 cm., Phân loại: 631.495 NGK 2003, Tài liệu tham khảo

1475	Kỹ thuật trồng trọt và phòng trừ sâu bệnh cho một số cây ăn quả vùng núi phía Bắc / Hà Minh Trung, Chủ biên. - Hà nội : Nông nghiệp , 2003 - 79 tr.; 19 cm, Phân loại: 634.04 KYT 2003, Từ điển
1476	Sổ tay hướng dẫn tiêu chuẩn vườn ươm và kỹ thuật nhân giống cây ăn quả Miền Nam ./ Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn (Dự án phát triển chè và cây ăn quả). - H. : Nông Nghiệp ; 2003 - 172 tr. ; 19 cm., Phân loại: 634.0453 SOT 2003, Tài liệu tham khảo
1477	Chọn giống và nhân giống cho một số loài cây trồng rừng chủ yếu ở Việt Nam= Selection, breeding and propagation of some main plantation tree species in Viet Nam / Lê Đình Khả. - H. : Nông nghiệp, 2003 - 292 Tr.; 27 cm, Phân loại: 634.97 CHO 2003, Tài liệu tham khảo
1478	Biểu điều tra kinh doanh rừng trồng của 14 loài cây chủ yếu / Vụ khoa học công nghệ và CLSP. - H. : Nông nghiệp, 2003 - 182 Tr. ; 31 cm, Phân loại: 634.97 BIE 2003, Tài liệu tham khảo
1479	Nghệ thuật chơi bon sai - non bộ / Nguyễn Khánh Trường. - H. : Mỹ thuật, 2003 - 142 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635.977 2 NGT 2003, Tài liệu tham khảo
1480	The second International students summit on food, agriculture, and the environment in the new century , Vol. 2/Edited by Tokyo University of Agriculture TUA Press. - Tokyo : Tokyo University of Agriculture Press, 2003 - 299 p. : 19 cm., Phân loại: 630 FIR 2003, Tài liệu tham khảo
1481	Kỹ thuật trồng một số cây ăn quả và cây đặc sản ở vùng núi thấp / Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn. - H. : Nông nghiệp, 2003 - 115 Tr. ; 20,5 cm, Phân loại: 634.04 KYT 2005, Tài liệu tham khảo
1482	Kỹ thuật trồng các giống lúa mới / Trương Đích, Chủ biên. - H. : Nông nghiệp, 2003 - 213 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.185 23 TRĐ 2003, Tài liệu tham khảo
1483	Một số văn bản về quản lý giống cây trồng / Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn. - H. : Nông nghiệp, 2003 - 408 Tr. ; 19cm, Phân loại: 630.02 MOT 2003, Tài liệu tham khảo
1484	Fundamentals of turfgrass and agricultural chemistry / L.B. (Bert) McCarty ... [et al.]. - Hoboken, N.J. : John Wiley, 2003. - viii, 375 p. : 26 cm., Phân loại: 635.9 FUN 2003, Tài liệu tham khảo
1485	Using Rice cultivar mixtures: a sustainable approach for managing Diseases and increasing yield ./ IRRI. - Manila Philippine : IRRI, 2003 - 66 p. ; 26 cm, Phân loại: 633.1 USI 2003, Tài liệu tham khảo
1486	Cây vùng kỹ thuật trồng - năng suất và hiệu quả kinh tế / Phạm Văn Thiều. - H. : Nông nghiệp , 2003 - 59 Tr. ; 19m, Phân loại: 633.3 PHT 2003, Tài liệu tham khảo

1487	Selected indicators of Food and Agriculture development in Asia-Pacific region 1992-2002./ FAO. - Bangkok : FAO regional office for Asia and the Pacific, 2003 - 207 p. ; 30 cm, Phân loại: 630 SEL 2003, Tài liệu tham khảo
1488	Chọn tạo giống và nhân giống cho một số loài cây trồng rừng chủ yếu ở Việt Nam . - H. : Nông nghiệp, 2003 - 292 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 634.97 CHO 2003, Tài liệu tham khảo
1489	Hệ thống canh tác lúa - tôm ở đồng bằng sông Cửu Long: những vấn đề sinh lý và kinh tế xã hội / Nigel Preston. Biên tập. - Canberra : Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp Quốc tế Ôxtrâylia, 2003 - 173 Tr ; 24cm., Phân loại: 633.18 HET 2003, Tài liệu tham khảo
1490	Báo cáo tóm tắt một số dự án nông thôn miền núi / Bộ khoa học công nghệ và môi trường. - H. : Hà Nội, 2003 - 194 Tr ; 27cm., Phân loại: 630.7 BAO 2003, Tài liệu tham khảo
1491	Handbook of postharvest technology : Cereals, Fruits, Vegetables, Tea, and Spices / Edited by Amalendu Chakraverty ... [et al.]. - New York : Marcel Dekker, 2003. - xviii, 884 p. : 26 cm., Phân loại: 631.56 HAN 2003, Từ điển
1492	Postharvest physiology and pathology of vegetables / Edited by Jerry A. Bartz, Jeffrey K. Brecht.. - New York : M. Dekker, 2003. - xv, 733 p. : 27 cm., Phân loại: 635.046 POS 2003, Tài liệu tham khảo
1493	Bacillus thuringiensis:A cornerstone of modern agriculture./ Matthew Metz. - Binghamton.: Haworth Press, 2003 - 242p.: 20cm, Phân loại: 632.96 MET 2003, Tài liệu tham khảo
1494	Handbook of Processes and Modeling in the soil-plant system / Dinesh K. Benbi, Rolf Nieder, editors.. - New York : Food Products Press : Haworth Reference Press, 2003. - xxi, 762 p. : 23 cm., Phân loại: 631.401 HAN 2003, Từ điển
1495	Concise Encyclopedia of Temperate tree fruit / Tara Auxt Baugher, Suman Singha, editors.. - New York : Food Products Press, 2003. - xxviii, 387 p., [6] p. of plates : 23 cm., Phân loại: 634.03 CON 2003, Từ điển
1496	Encyclopedic Dictionary of Plant breeding and Related subjects / Rolf H.J. Schlegel.. - New York : The Food Products Press, 2003. - xiii, 563 p. ; 23 cm., Phân loại: 631.52 SCH 2003, Từ điển
1497	Biodiversity and Pest management in Agroecosystems / Miguel Angel Altieri, Clara I. Nicholls.. - New York : Food Products Press, 2003. - xii, 236 p. : 23 cm., Phân loại: 632.7 ALT 2003, Từ điển
1498	Molecular host plant resistance to pests / S. Sadasivam, B. Thayumanavan.. - New York : Marcel Dekker, 2003. - viii, 479 p. : 24 cm., Phân loại: 632.3 SAD 2003, Tài liệu tham khảo

1499	Landscape Plants: Their identification, culture, and use./ Ferrell M. Bridwell. - Australia.: Delmar Thomson Learning, 2003 - 609p.; 28cm, Phân loại: 635.9 BRI 2003, Tài liệu tham khảo
1500	Crpping Systems: Trends and Advances./ Anil Shrestha. - New York.: Food Products Press, 2003 - 720p.; 20cm, Phân loại: 631.58 SHR 2003, Tài liệu tham khảo
1501	Transgenic Plants : Current Innovations and Future trends / Edited by C. Neal Stewart, Jr.. - Wymondham, Norfolk, England : Horizon Scientific Press, 2003. - x, 297 p. : 25 cm., Phân loại: 631.523 TRA 2003, Tài liệu tham khảo
1502	Báo cáo dự án đầu tư tăng cường năng lực nghiên cứu tăng cường trang thiết bị cho nghiên cứu và phát triển chọn giống ưu thế lai và công nghệ sinh học / Viện sinh học nông nghiệp. - H. : Hà Nội, 2003 - 00 tr. ; 27cm, Phân loại: 631.523 BAO 2003, Tài liệu tham khảo
1503	Concepts in integrated pest management / Robert F. Norris, Edward P. Caswell-Chen, Marcos Kogan. - USA : Upper saddle river, new jersey, 2003 - 586 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 632.9 NOR 2003, Tài liệu tham khảo
1504	Nông nghiệp vùng cao thực trạng và giải pháp Bài viết chọn lọc tại Hội thảo Quốc gia về nghiên cứu và phát triển nông nghiệp bền vững vùng cao, Yên Bái 6-8/11/2002 / Lê quốc Doanh, Nguyễn Văn Bộ, Hà Đình Tuấn Chủ biên. - H. : Nông nghiệp, 2003 - 216 Tr. ; 24 cm, Phân loại: 630 LED 2003, Tài liệu tham khảo
1505	Postharvest physiology and pathology of vegetables / Jerry A. Bartz; Jeffrey K. Brecht, Edited by. - New York : Marcel Dekker, 2003 - 733 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 631.56 POS 2003, Tài liệu tham khảo
1506	Forages: An introduction to grassland agriculture. Volume 1 /Robert F Barnes; C. Jerry Nelson...[et al]. - USA : Blackwell Publishing , 2003 - 556 Tr. ; 25cm, Phân loại: 633.2 FOR 2003/1, Tài liệu tham khảo
1507	Forages: An introduction to grassland agriculture. Volume 2 /Robert F Barnes; C. Jerry Nelson...[et al]. - USA : Blackwell Publishing , 2003 - 791 Tr. ; 25cm, Phân loại: 633.2 FOR 2003/2, Tài liệu tham khảo
1508	Decent work in agriculture in asia / D. P. A. Naidu, A. Navamukundan, edited by. - Malaysia : International Labour Organization, 2003 - 737 Tr. ; 24 cm, Phân loại: 630 DEC 2003, Tài liệu tham khảo
1509	Eucalypt in Asia: Proceedings of an international conference held in Zhanjiang, Guangdong, people's Republic of China, 7-11 April 2003 / Editors: J.W. Turnbull. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Researchr ; 2003 - 267 p. ; 24 cm, Phân loại: 634.973 766 TUR 2003, Tài liệu tham khảo

1510	Hướng dẫn các biện pháp phòng trừ chuột hại ngoài đồng ruộng, trên đê điều và trong khu dân cư / Chi cục bảo vệ thực vật thành phố. - H. : Nông nghiệp, 2004 - 32 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632.693 52 HUO 2003, Tài liệu tham khảo
1511	Hướng dẫn kỹ thuật trồng cây nông lâm nghiệp cho đồng bào miền núi / Phạm Đức Tuấn, Nguyễn Hữu Lộc. - H. : Nông nghiệp, 2004 - 112 Tr. ; 19cm, Phân loại: 634.99 PHT 2004, Tài liệu tham khảo
1512	Kỹ thuật tưới tiêu nước cho một số cây công nghiệp : Cây bông, cà phê, chè, đậu tương, lạc, mía .../ Bùi Hiếu, Lê Thị Nguyên. - H. : Nông nghiệp, 2004 - 180 Tr. ; 20,5 cm, Phân loại: 631.62 BUH 2004, Tài liệu tham khảo
1513	Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt nam.Tập 1./ Đỗ Huy Bích. - H.: Khoa học và Kỹ thuật, 2004 - 1138 tr. ; 27 cm., Phân loại: 633.880 3 CAY 2004/1, Từ điển
1514	Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt nam. Tập II./Đỗ Huy Bích . - H.: Khoa học và Kỹ thuật, 2004 - 1256 tr. ; 27 cm., Phân loại: 633.880 3 CAY 2004/2, Từ điển
1515	Hướng dẫn trồng, thu hoạch,bảo quản và chế biến trái cây./ Hà Thị Hiến, Biên soạn. - H.: Văn hoá dân tộc, 2004 - 126 tr. ; 19 cm., Phân loại: 634.56 HAH 2004, Tài liệu tham khảo
1516	Paddy soil science / Kazutake Kyuma. - Kyoto : Kyoto University press, 2004. - 280 p. ; 22 cm., Phân loại: 631.4 KYU 2004, Tài liệu tham khảo
1517	Quản lý cháy rừng ở việt nam ./ Phạm Ngọc Hưng. - H.: Nghệ an, 2004 - 231 Tr. ; 21 cm, Phân loại: 634.9 PHH 2004, Tài liệu tham khảo
1518	Công nghệ mới trồng hoa cho thu nhập cao. Tập 3,Đặng Văn Đông. - H. : Lao động xã hội, 2004 - 101Tr. ; 21 cm, Phân loại: 635.977 13 ĐAĐ 2004/3, Tài liệu tham khảo
1519	Nước và rừng đầu nguồn./ Phạm Thị Lành. - H. : Thanh hoá, 2004 - 95 tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.7 PHL 2004, Tài liệu tham khảo
1520	Cây rau dinh dưỡng trong bữa ăn gia đình./ Nguyễn Thị Hương. - H. : Thanh hoá, 2004 - 143 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635 NGH 2004, Tài liệu tham khảo
1521	Cây xoài và kỹ thuật trồng ./ Trần thế Tục. - H. : Lao động-Xã hội, 2004 - 112 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.44 TRT 2004, Tài liệu tham khảo
1522	Công nghệ mới trồng hoa cho thu nhập cao. Tập 4,Đặng Văn Đông. - H. : Lao động - xã hội, 2004 - 66 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635.977 13 ĐAĐ 2004/4, Tài liệu tham khảo
1523	Hỏi đáp làm vườn trên đất dốc./ Tủ sách kiến thức gia đình. - H. : Văn hoá thông tin, 2004 - 35 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.04 HOI 2004, Tài liệu tham khảo
1524	Tổng hợp bảo vệ cây IPM ./ Đường Hồng Dật. - H. : Lao động - xã hội, 2004 - 200 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632 ĐUD 2004, Tài liệu tham khảo
1525	Bí quyết giúp nhà nông làm giàu . - H. : Thanh niên, 2004 - 167 Tr. ; , Phân loại: 630.2 BIQ 2004, Tài liệu tham khảo

1526	Sổ tay nuôi trồng nấm ăn và nấm chữa bệnh . - H. : Văn hoá dân tộc, 2004 - 138 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635.8 SOT 2004, Tài liệu tham khảo
1527	Cây đu đủ và kỹ thuật trồng ./ Trần Thế Tục. - H. : Lao động xã hội, 2004 - 48 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.418 TRT 2004, Tài liệu tham khảo
1528	Cây chè các biện pháp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm ./ Đường Hồng Dật. - H. : Lao động xã hội, 2004 - 200 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.72 ĐUD 2004, Tài liệu tham khảo
1529	Cây nhãn kỹ thuật trồng và chăm sóc ./ Trần Thế Tục. - H.: Nông nghiệp, 2004 - 108 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.4 TRT 2004, Tài liệu tham khảo
1530	Hướng dẫn trồng, thu hoạch, bảo quản và chế biến trái cây / Hà Thị Hiến, Biên soạn. - H. : Trẻ, 2004 - 126 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.56 HAH 2004, Tài liệu tham khảo
1531	Cây thức ăn gia súc giàu chất dinh dưỡng / Đặng Tuấn Hưng, Chủ biên. - H. : [S.n], 2004 - 143 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.39 CAY 2004, Tài liệu tham khảo
1532	Kỹ thuật chăm sóc và chế biến cây chữa bệnh / Nguyễn Thị Thanh Bình, Biên soạn. - H. : Văn hoá dân tộc, 2004 - 234 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.88 KYT 2004, Tài liệu tham khảo
1533	Cây sắn từ cây lương thực chuyển thành cây công nghiệp / Đường Hồng Dật. - H. : Lao động - xã hội, 2004 - 148 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.682 ĐUD 2004, Tài liệu tham khảo
1534	Cây lương thực và cách chế biến, bảo quản / Nguyễn Thị Hương, Biên soạn. - H. : Nông nghiệp, 2004 - 55 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.156 NGH 2004, Tài liệu tham khảo
1535	Quản lý tổng hợp dịch hại (IPM) trên rau họ hoa thập tự / Nguyễn Trường Thành. - H. : Nông nghiệp, 2004 - 55 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632 NGT 2004, Tài liệu tham khảo
1536	Cây có củ và kỹ thuật thâm canh. Quyển 1,Trình Xuân Ngọ. - H. : Lao động xã hội, 2004 - 98 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635.22 TRN 2004, Tài liệu tham khảo
1537	Cây có củ và kỹ thuật thâm canh. Quyển 2,Trình Xuân Ngọ. - H. : Lao động xã hội, 2004 - 96 Tr. ; 20,5 cm, Phân loại: 633.682 TRN 2004/2, Tài liệu tham khảo
1538	Giáo trình công nghệ trồng trọt / Đào Duy Cầu, Chủ biên. - H. : Lao động xã hội, 2004 - 160 Tr. ; 20,5 cm, Phân loại: 631.507 11 ĐAC 2004, Tài liệu tham khảo
1539	Công nghệ mới trồng hoa cho thu nhập cao.Quyển 6 - Hoa đồng tiền ./ Đặng Văn Đông. - H. : Lao động xã hội, 2004 - 66 Tr. ; 21 cm, Phân loại: 635.977 13 ĐAD 2004/6, Tài liệu tham khảo
1540	Giáo trình Côn trùng chuyên khoa : Dùng cho Đại học, Cao đẳng chuyên ngành BVTV / Bộ môn Côn trùng -Trường ĐHNLI.. - H. : Nông nghiệp, 2004. - 280 Tr. ; 27 cm., Phân loại: 632.7 GIA 2004, Giáo trình

1541	Giáo trình nhện nhỏ hại cây trồng: Dùng hệ sau đại học / Nguyễn Văn Đĩnh. - H. : Nông nghiệp, 2004 - 148 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 632.74 NGĐ 2004, Giáo trình
1542	Environmental risk assessment of genetically modified organisms / edited by A. Hilbeck and D. Andow.. - Wallingford, Oxon, OX ; Cambridge, MA : CABI Pub., 2004. - 281p. : 24 cm., Phân loại: 631.523 ENV 2004, Tài liệu tham khảo
1543	Bảo tồn nội vi đa dạng sinh học nông nghiệp bài học kinh nghiệm và tác động đến chính sách / Nguyễn Thị Ngọc Huệ. - H. : Nông nghiệp, 2004 - 176 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 631.523 3 NGH 2004, Tài liệu tham khảo
1544	Tự học nghề trồng nấm / Nguyễn Lân Dũng. - H. : Nông nghiệp, 2004 - 80 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635.8 NGD 2004, Tài liệu tham khảo
1545	Cẩm nang kỹ thuật nhân giống cây gieo hạt - chiết cành - giâm cành - ghép cành. Tập II / Nguyễn Duy Minh. - H. : Nông nghiệp, 2004 - 175 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.53 NGM 2004, Tài liệu tham khảo
1546	Cẩm nang kỹ thuật nhân giống cây gieo hạt - chiết cành - giâm cành - ghép cành. Tập I / Nguyễn Duy Minh. - H. : Nông nghiệp, 2004 - 107 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.53 NGM 2004, Tài liệu tham khảo
1547	Các biện pháp điều khiển sinh trưởng, phát triển, ra hoa, kết trái cây ăn trái / Phạm Văn Côn. - H. : Nông nghiệp, 2004 - 159 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.048 PHC 2004, Tài liệu tham khảo
1548	Sâu bệnh hại cây trồng và biện pháp phòng trừ / Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Hồng Anh, Đỗ Hồng Khanh, Biên soạn. - H. : Nông nghiệp, 2004 - 83 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632 SAU 2004, Tài liệu tham khảo
1549	Cây sầu riêng ở Việt Nam / Trần Thế Tục. - H. : Nông nghiệp, 2004 - 124 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.39 TRT 2004, Tài liệu tham khảo
1550	Xoài giống và kỹ thuật trồng trọt / Nguyễn Văn Luật, Chủ biên. - H. : Nông nghiệp, 2004 - 68 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.44 NGL 2004, Tài liệu tham khảo
1551	Sử dụng dầu khoáng làm vườn và dầu khoáng nông nghiệp trong phòng trừ tổng hợp sâu bệnh hại cây ăn quả có múi / D.J.Rae, G.A.C.Beattie.... - H. : Nông nghiệp, 2004 - 135 Tr. ; 20 cm, Phân loại: 632.9 SUD 2004, Tài liệu tham khảo
1552	Sử dụng vi sinh vật có ích. Tập 1, Trần Văn Mão. - H. : Nông nghiệp, 2004 - 198 Tr. ; 21 cm, Phân loại: 635.8 TRM 2004, Tài liệu tham khảo
1553	Sử dụng vi sinh vật có ích. Tập 2, Trần Văn Mão. - H. : Nông nghiệp, 2004 - 195 Tr. ; 21 cm, Phân loại: 632.96 TRM 2004, Tài liệu tham khảo
1554	Nấm trong công nghệ & chuyển hoá môi trường / Lê Xuân Thám. - HCM. : Khoa học và kỹ thuật, 2004 - 105 Tr. ; 28,5 cm, Phân loại: 635.8 LET 2004, Tài liệu tham khảo

1555	Fruits of Vietnam / Narong Chomchalow. - Bangkok : FAO, 2004 - 52 Tr. ; 28 cm., Phân loại: 634.2 CHO 2004, Tài liệu tham khảo
1556	Friends of cotton farmers / D. Praveen, N. Selvam, V. Veeraiah. - Andhra Pradesh : Supreme Corporate Services Inc, 2004 - viii, 55 p. ; 19 cm., Phân loại: 633.519 PRA 2004, Tài liệu tham khảo
1557	Phát triển nông nghiệp ngoại thành Hà Nội theo hướng nông nghiệp sinh thái / Phạm Văn Khôi. - H. : Nông nghiệp, 2004 - 151 Tr. ; 20,5 cm, Phân loại: 630 PHK 2004, Tài liệu tham khảo